

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH TUYÊN QUANG
Bản án số: 311/2022/HNGĐ-ST
Ngày 27-9-2022
“V/v: Chia tài sản chung sau ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Quang Thịnh.

2. Ông Hoàng Huy Phúc.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thị Hường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 119/2022/TLST-HNGĐ ngày 04/5/2022 về việc “Chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/9/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vương Lan A, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

- Bị đơn: Ông Nguyễn Gia L, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Ông L đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa vắng mặt không có lý do).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nông Thị T, sinh năm 1945.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện H, tỉnh Tuyên Quang *(Bà T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).*

NHẬN THẤY:

*** Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Vương Lan A trình bày:**

Tại Bản án ly hôn sơ thẩm số 38/2022/HNGĐ-ST ngày 21/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang đã giải quyết xong việc tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông Nguyễn Gia L theo quy định. Theo nội

dung bản án trên, trong quá trình chung sống bà và ông Nguyễn Gia L có một số tài sản chung, đất đai chung nhưng tự thỏa thuận chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên từ sau khi giải quyết ly hôn xong đến nay, bà và ông L không thể tự thỏa thuận được với nhau về việc phân chia tài sản chung sau ly hôn nên bà đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án chia các tài sản chung sau ly hôn giữa bà với ông Nguyễn Gia L bao gồm các tài sản cụ thể: 01 ngôi nhà xây hai tầng cấp 4 và các công trình phụ trợ trên đất được xây dựng năm 1998, diện tích 180m² làm trên diện tích đất của mẹ đẻ bà là bà Nông Thị T cho mượn để làm nhà ở. Diện tích đất trên đã được UBND huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 595368 ngày 10/6/1996 mang tên hộ bà Nông Thị T (Bà T là mẹ đẻ của bà). Bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được trực tiếp quản lý, sử dụng ngôi nhà xây và các công trình phụ trợ trên đất (gồm nhà kho, bán mái lợp tôn, tường phía trước sau, công trình phụ) và bà có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản chênh lệch cho ông Nguyễn Gia L theo quy định pháp luật. Đối với diện tích đất mà bà và ông L đã xây dựng ngôi nhà xây hai tầng cấp 4 và các công trình phụ trợ trên đất thì bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vì đây không phải là đất của bà và ông L mà là đất của mẹ đẻ bà là bà Nông Thị T.

Ngoài những tài sản chung bà yêu cầu chia trên thì bà và ông Nguyễn Gia L còn có một số tài sản chung gồm đất ruộng, đất nuôi trồng thủy sản, đất trồng cây hàng năm khác (đã được Ủy ban nhân dân huyện Hàm Yên cấp GCNQSD đất mang tên bà và ông Nguyễn Gia L) và một số tài sản vật dụng trong gia đình. Những tài sản chung là đất ruộng, đất nuôi trồng thủy sản và đất trồng cây hàng năm khác bà không yêu cầu Tòa án giải quyết; Còn các tài sản là vật dụng trong gia đình nếu ông Nguyễn Gia L lấy tài sản gì thì bà nhất trí để lại cho ông L, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với kết quả thẩm định tại chỗ và kết quả định giá tài sản do Tòa án phối hợp cùng Hội đồng thẩm định và Hội đồng định giá tài sản tiến hành ngày 09/8/2022, bà A nhất trí và không có ý kiến gì; Đối với chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp với tổng chi phí là 1.850.000 đồng. Bà Vương Lan A xác định tự nguyện chịu toàn bộ số tiền chi phí tố tụng trên, bà không yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Gia L phải chịu số tiền chi phí tố tụng này.

Tại phiên tòa bà Vương Lan A xác định tổng giá trị tài sản đang có tranh chấp theo kết quả tại Biên bản định giá tài sản ngày 09/8/2022 (đã làm tròn) là 167.960.000 đồng. Bà đề nghị Tòa án chia đôi cho bà và ông L mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị số tài sản chung nêu trên (bà được hưởng giá trị tài sản là 83.980.000 đồng; ông L được hưởng giá trị tài sản là 83.980.000 đồng). Tuy nhiên do ngôi nhà xây hai tầng cấp 4 và các công trình phụ trợ được xây dựng trên diện tích đất của mẹ đẻ bà là bà Nông Thị T, bà T cho bà và ông L mượn để xây nhà ở nên bà đề nghị được tiếp tục quản lý, sử dụng khối tài sản này; Bà có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản chênh lệch cho ông L với tổng số tiền là 83.980.000 đồng nhưng do các tài sản trên theo quy định thì bị trừ khấu hao đi rất nhiều nhưng vẫn còn giá trị sử dụng nên bà tự nguyện thanh toán cho ông Nguyễn Gia L tổng số tiền là 150.000.000 đồng. Ngoài ra, bà không yêu cầu HĐXX giải quyết nội dung gì khác.

*** Đối với bị đơn ông Nguyễn Gia L:**

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang đã gửi Thông báo thụ lý vụ án số 119/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 8 năm 2022 và các văn bản tố tụng khác cho ông Nguyễn Gia L biết, báo gọi ông L nhiều lần đến Tòa án giải quyết vụ án nhưng ông L không trực tiếp đến Tòa án làm việc. Toà án đã phối hợp với đại diện thôn Đ, xã N và Công an xã N, huyện H trực tiếp đến gia đình ông L để lấy lời khai và làm việc nhưng ông L đều không có mặt tại gia đình nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với ông Nguyễn Gia L theo quy định. Như vậy ông L đã biết và được thông báo về việc bà Vương Lan A gửi đơn đến Toà án nhân dân huyện Hàm Yên để giải quyết về việc đề nghị chia tài sản chung sau ly hôn giữa bà A với ông L, nhưng ông L cố tình trốn tránh nghĩa vụ không đến Toà án làm việc nên Tòa án tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với kết quả thẩm định tại chỗ và kết quả định giá tài sản do Toà án phối hợp cùng Hội đồng thẩm định và Hội đồng định giá tài sản tiến hành ngày 09/8/2022. Khi Hội đồng đến làm việc ông Nguyễn Gia L có mặt và không có ý kiến gì nhưng khi Hội đồng thông qua biên bản thẩm định tài sản và biên bản định giá tài sản xong ông L không ký biên bản nên Tòa án đã có Thông báo về kết quả định giá tài sản số 938/TB-TA ngày 18/9/2022 gửi cho ông Nguyễn Gia L theo quy định.

*** Tại Biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị T trình bày:**

Diện tích đất bà Vương Lan A và ông Nguyễn Gia L xây dựng ngôi nhà xây hai tầng cấp 4 và các công trình phụ trợ là được xây dựng trên diện tích đất của bà. Vào khoảng năm 1969 gia đình bà có nhận chuyển nhượng của ông Hoàng Quang N (đã chết) một diện tích đất tại thôn Đ, xã N, huyện H. Năm 1988 bà Vương Lan A (con gái cả của bà) kết hôn với ông Nguyễn Gia L, lúc đầu thì chung sống cùng vợ chồng bà đến năm 1994 thì bà cho vợ chồng bà A và ông L mượn một diện tích đất hiện có ngôi nhà xây 2 tầng và các công trình phụ trợ để làm nhà ở, khi cho mượn đất bà không làm giấy tờ gì do là con cái trong gia đình. Toàn bộ diện tích đất gia đình bà nhận chuyển nhượng của ông Hoàng Quang N đến ngày 10/6/1996 đã được Ủy ban nhân dân huyện Hàm Yên cấp GCNQSD đất số I 595368 mang tên hộ bà Nông Thị T, trong đó có cả phần diện tích đất bà cho bà A và ông L mượn làm nhà ở. Nay bà Vương Lan A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung sau ly hôn với ông Nguyễn Gia L thì bà có quan điểm là: Những tài sản chung của bà A và ông L thì đề nghị Tòa án phân chia theo quy định. Riêng về diện tích đất (có ngôi nhà xây hai tầng cấp 4 và các công trình phụ trợ) là đất của bà, sau khi Tòa án giải quyết phân chia tài sản xong thì bà A và ông L có trách nhiệm trả lại diện tích đất trên cho bà và bà sẽ làm thủ tục tặng cho diện tích đất này theo quy định đối với riêng một mình bà Vương Lan A. Ngoài nội dung trên, bà T không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết nội dung gì khác.

Tại phiên tòa bà Nông Thị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà T giữ nguyên ý kiến đã trình bày nêu trên, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì khác.

Toà án tiến hành xác minh tại thôn Đ, xã N và tại UBND xã N, huyện H được cung cấp như sau:

Hiện nay bà Vương Lan A và ông Nguyễn Gia L là công dân vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú và thường xuyên sinh sống tại thôn Đ, xã N, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Đối với diện tích đất thổ cư và đất vườn tại thôn Đ, xã N hiện nay do bà Vương Lan A và ông Nguyễn Gia L đang trực tiếp quản lý, sử dụng có nguồn gốc là của mẹ đẻ bà A là bà Nông Thị T cho mượn để làm nhà ở. Diện tích đất này đã được UBND huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 595368, ngày 10/6/1996 mang tên hộ bà Nông Thị T, trên diện tích đất này bà Vương Lan A và ông Nguyễn Gia L đã xây dựng 01 ngôi nhà xây hai tầng cấp 4 và các công trình phụ trợ trên đất (gồm nhà kho, bán mái lợp tôn, tường phía trước, sau, công trình phụ) là đúng thực tế.

Do các đương sự không tự thoả thuận được với nhau về việc phân chia tài sản chung nên Toà án tiến hành thẩm định và định giá tài sản chung của bà Vương Lan A và ông Nguyễn Gia L.

Hội đồng định giá tài sản căn cứ vào các văn bản:

- Thông tư số 45/2018/TT-BTC, ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

- Quyết định số 05/2017/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về tài sản (vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi) gắn liền với đất bị thu hồi khi nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Kết quả thẩm định, định giá tài sản cụ thể như sau:

- 01 Ngôi nhà xây 2 tầng, mái lợp tôn, tường 220mm, lán sơn: Diện tích $80,58m^2 \times 3.966.674đ/m^2 \times 40\% \times 1.04 = 132.967.989$ đồng.

- 01 Nhà kho mái tôn xây tường 110mm: Diện tích $13,65m^2 \times 500.000đ/m^2 \times 40\% \times 1.04 = 2.839.200$ đồng.

- 01 Công trình phụ: Diện tích $6,30m^2 \times 2.004.700đ/m^2 \times 40\% \times 1.04 = 5.253.917$ đồng.

- Mái tôn, vữa vôi, cột thép:

- + Mái: Diện tích $74,42m^2 \times 330.500đ/m^2 \times 40\% \times 1.04 = 10.231.856$ đồng.

- + Sân: Diện tích $60,77m^2 \times 158.837đ/m^2 \times 40\% \times 1.04 = 4.015.450$ đồng.

- Bán mái lợp tôn, cột bê tông xi măng: Diện tích $52,24m^2 \times 330.500đ/m^2 \times 40\% \times 1.04 = 7.182.373$ đồng.

- Công trình chăn nuôi (gà, lợn): Diện tích $9,96\text{m}^2 \times 503.928\text{đ}/\text{m}^2 \times 40\% \times 1.04 = 2.087.955$ đồng.

- Công trình hàng rào:

+ Phía trước: Diện tích $8,03\text{m}^2 \times 288.352\text{đ}/\text{m}^2 \times 40\% \times 1.04 = 963.234$ đồng.

+ Phía sau: Diện tích $20,16\text{m}^2 \times 288.352\text{đ}/\text{m}^2 \times 40\% \times 1.04 = 2.418.281$ đồng.

Tổng giá trị các tài sản chung của bà Vương Lan A và ông Nguyễn Gia L tính đến thời điểm định giá tài sản ngày 09/8/2022 (đã làm tròn) là 167.960.000đ (*Một trăm sáu mươi bảy triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang thông báo hòa giải cho các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên. Tuy nhiên do bị đơn ông Nguyễn Gia L không đến Tòa án làm việc, Tòa án không tiến hành hoà giải được để cho các đương sự tự thỏa thuận được với nhau về việc phân chia các tài sản chung nêu trên, nguyên đơn bà Vương Lan A đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Vì vậy Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

* Về tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về việc chấp hành quy định pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn bà Vương Lan A thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật; Bị đơn ông Nguyễn Gia L đã được Tòa án gửi các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng đều vắng mặt không đến Tòa án làm việc nên Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông L theo quy định pháp luật. Qua cung cấp của địa phương xác minh được biết ông Nguyễn Gia L hiện nay vẫn ĐKKHTT và thường xuyên sinh sống tại thôn Đ, xã N, huyện H, tỉnh Tuyên Quang nhưng Tòa án báo gọi nhiều lần không đến làm việc, vì vậy có thể xác định ông L đã cố tình trốn tránh không thực hiện đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

* Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 165, điểm e khoản 1 Điều 192, các Điều 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 16, 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 213, 219, 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vương Lan A về việc “Chia tài sản chung sau ly hôn” với ông Nguyễn Gia L, cụ thể:

- Đối với ông Nguyễn Gia L: Ông L được bà Vương Lan A trả cho số tiền chênh lệch về việc phân chia tài sản chung sau ly hôn là 150.000.000 đồng.

- Đối với bà Vương Lan A:

+ Giao cho bà Vương Lan A được quyền sở hữu các tài sản chung tại thôn Đ, xã N, huyện H, tỉnh Tuyên Quang bao gồm: Các công trình trên đất (01 ngôi nhà xây

2 tầng, mái lợp tôn, tường 220mm, lán son; 01 nhà kho mái tôn xây tường 110mm; 01 Công trình phụ; Mái tôn, vỉ kèo, cột thép (gồm mái và sân); 01 Bán mái lợp tôn, cột bê tông xi măng; Công trình chăn nuôi (gà, lợn); Công trình hàng rào (phía trước và phía sau).

Tổng giá trị tài sản các công trình trên đất bà Vương Lan A được quản lý, sử dụng (đã làm tròn) là 167.960.000 đồng.

+ Bà Vương Lan A tự nguyện trả cho ông Nguyễn Gia L số tiền chênh lệch về việc phân chia tài sản chung sau ly hôn là 150.000.000 đồng.

* Về chi phí tố tụng: Đề nghị HĐXX ghi nhận việc tự nguyện chịu toàn bộ số tiền chi phí tố tụng của nguyên đơn bà Vương Lan A theo quy định.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị trách nhiệm chịu án phí dân sự có giá ngạch và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn bà Vương Lan A khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Gia L về việc “Chia tài sản chung sau ly hôn”. Ông L là công dân đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã N, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Về việc vắng mặt của bị đơn ông Nguyễn Gia L tại phiên tòa: Qua xác minh tại địa phương nơi ông L đăng ký hộ khẩu thường trú cung cấp: Ông Nguyễn Gia L thường xuyên sinh sống tại gia đình và địa phương. Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án số 119/2022/TLST-HNGĐ ngày 04/5/2022 và các văn bản tố tụng khác cho ông L nhưng ông L đều không có mặt tại gia đình, hoặc nếu ông L có mặt tại gia đình thì cũng đều từ chối không nhận văn bản tố tụng của Tòa án. Vì vậy Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo quy định pháp luật về thụ lý, mở phiên họp công khai chứng cứ, xét xử thông qua thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật. Như vậy người bị khởi kiện là ông Nguyễn Gia L đã cố tình trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Nguyễn Gia L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Vương Lan A khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Gia L về việc phân chia các tài sản chung giữa bà A với ông L được hình thành trong thời kỳ chung sống như vợ chồng. Nay bà A và ông L đã giải quyết ly hôn xong (Tòa án tuyên bố không công nhận bà Vương Lan A và ông Nguyễn Gia L là vợ chồng) nhưng các bên không thống nhất thỏa thuận được việc phân chia các tài sản chung sau ly hôn nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Chia tài sản chung sau khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Vương Lan A xác định và đề nghị Hội đồng xét xử phân chia các tài sản chung được hình thành trong thời kỳ chung sống như vợ chồng giữa bà với ông Nguyễn Gia L bao gồm: Các công trình trên đất (gồm 01 ngôi nhà xây 2 tầng, mái lợp tôn, tường 220mm, lán sơn; 01 nhà kho mái tôn xây tường 110mm; 01 Công trình phụ; Mái tôn, vỉ kèo, cột thép (gồm mái và sân); 01 Bán mái lợp tôn, cột bê tông xi măng; Công trình chăn nuôi (gà, lợn); Công trình hàng rào (phía trước và phía sau). Bà đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng chia đôi cho bà và ông L mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị số tài sản chung nêu trên.

Toà án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác triệu tập bị đơn ông Nguyễn Gia L đến Toà án lấy lời khai, làm việc và tiến hành hoà giải nhưng ông L không có mặt tại gia đình hoặc từ chối nhận văn bản tố tụng của Toà án nên Toà án không ghi được ý kiến của ông L để xác định ông L yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung cụ thể như thế nào. Căn cứ ý kiến trình bày của nguyên đơn bà Vương Lan A; căn cứ Biên bản định giá tài sản ngày 09/8/2022 của Toà án, căn cứ các tài liệu do Toà án thu thập được để xác định các tài sản chung hiện tại của bà A và ông L trình bày nêu trên là đúng thực tế. Tuy nhiên do ngôi nhà xây hai tầng cấp 4 và các công trình phụ trợ của bà A và ông L được xây dựng trên diện tích đất của mẹ đẻ bà A là bà Nông Thị T, bà T cho bà A và ông L mượn để xây nhà ở. Mặt khác bà Nông Thị có quan điểm là những tài sản chung của bà A và ông L thì đề nghị Tòa án phân chia theo quy định. Riêng về diện tích đất (có ngôi nhà xây hai tầng cấp 4 và các công trình phụ trợ) là được xây dựng trên diện tích đất của bà, sau khi Tòa án giải quyết phân chia tài sản xong thì bà A và ông L có trách nhiệm trả lại diện tích đất trên cho bà và bà sẽ làm thủ tục tặng cho diện tích đất này theo quy định đối với riêng một mình bà Vương Lan A. Hội đồng xét xử xét thấy do nhu cầu sử dụng thực tế, qua xem xét ý kiến của bà Vương Lan A và bà Nông Thị T nên cần giao cho bà Vương Lan A được trực tiếp quản lý, sử dụng các tài sản chung sau ly hôn giữa bà A với ông L. Cụ thể các tài sản bao gồm: Các công trình trên đất (gồm: 01 ngôi nhà xây 2 tầng, mái lợp tôn, tường 220mm, lán sơn; 01 nhà kho mái tôn xây tường 110mm; 01 Công trình phụ; Mái tôn, vỉ kèo, cột thép (gồm mái và sân); 01 Bán mái lợp tôn, cột bê tông xi măng; Công trình chăn nuôi (gà, lợn); Công trình hàng rào (phía trước và phía sau).

Tổng trị giá các tài sản chung của bà Vương Lan A và ông Nguyễn Gia L mà bà A được quản lý, sử dụng theo Biên bản định giá tài sản ngày 09/8/2022 (đã làm tròn) là 167.960.000 đồng. Bà A và ông L mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị số tài sản chung nêu trên (bà A được hưởng giá trị tài sản là 83.980.000 đồng; ông L được hưởng giá trị tài sản là 83.980.000 đồng). Bà Anh có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản chênh lệch về việc chia tài sản chung sau ly hôn cho ông Nguyễn Gia L với tổng số tiền là 83.980.000 đồng nhưng bà Vương Lan A tự nguyện thanh toán cho ông Nguyễn Gia L tổng số tiền là 150.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng ý kiến của bà Vương Lan A

về việc bà A thanh toán cho ông Nguyễn Gia L tổng số tiền 150.000.000 đồng là tự nguyện, không bị ai ép buộc nên được chấp nhận.

[4]. Đối với các tài sản chung khác của bà Vương Lan A và ông Nguyễn Gia L theo nội dung trình bày của bà A: Ngoài những tài sản chung bà A yêu cầu Tòa án chia thì bà A và ông Nguyễn Gia L còn có một số tài sản chung gồm đất ruộng, đất nuôi trồng thủy sản, đất trồng cây hàng năm khác (đã được Ủy ban nhân dân huyện Hàm Yên cấp GCNQSD đất mang tên bà Vương Lan A và ông Nguyễn Gia L) và một số tài sản vật dụng trong gia đình. Những tài sản chung là đất ruộng, đất nuôi trồng thủy sản và đất trồng cây hàng năm khác bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết; Còn các tài sản là vật dụng trong gia đình nếu ông Nguyễn Gia L lấy tài sản gì thì bà A nhất trí để lại cho ông L, bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy, do bà Vương Lan A không yêu cầu Tòa án phân chia các tài sản chung trên, mặt khác Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác triệu tập bị đơn ông Nguyễn Gia L đến Tòa án lấy lời khai, làm việc nhưng ông L không có mặt tại gia đình hoặc từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án nên Tòa án không lấy được ý kiến của ông L, không xác định được ông L có yêu cầu giải quyết các tài sản trên không nên HĐXX không xem xét, giải quyết. Ông Nguyễn Gia L có quyền khởi kiện chia các tài sản chung trên trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5]. Đối với diện tích đất tại thôn Đ, xã N, huyện H, tỉnh Tuyên Quang hiện nay bà Vương Lan A và ông Nguyễn Gia L đã xây dựng 01 nhà xây hai tầng, cấp 4 và các công trình phụ trợ trên đất có nguồn gốc là của mẹ đẻ bà A là bà Nông Thị T. Diện tích đất này do bà Vương Lan A và bà Nông Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, mặt khác bà T xác định sau khi Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung sau ly hôn giữa bà A với ông L xong thì bà sẽ làm thủ tục tặng cho diện tích đất trên theo quy định đối với riêng một mình bà Vương Lan A nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6]. Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Vương Lan A đã nộp số tiền chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản cho Hội đồng thẩm định và Hội đồng định giá tài sản hết tổng số tiền là 1.850.000đ (Một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

HĐXX xét thấy, do bà Vương Lan A xác định tự nguyện chịu toàn bộ số tiền chi phí tố tụng trên, bà không yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Gia L phải chịu số tiền chi phí tố tụng này nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến tự nguyện của bà A theo quy định.

[7]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

- + Bà Vương Lan A phải chịu tiền án phí dân sự có giá ngạch tương ứng với phần giá trị tài sản chung được chia theo quy định pháp luật.

- + Ông Nguyễn Gia L phải chịu tiền án phí dân sự có giá ngạch tương ứng với phần giá trị tài sản chung được chia theo quy định pháp luật.

[8]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 165, điểm e khoản 1 Điều 192, các Điều 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 16, 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 213, 219, 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vương Lan A về việc “Chia tài sản chung sau ly hôn” với ông Nguyễn Gia L.

Cụ thể:

- Đối với ông Nguyễn Gia L: Ông Nguyễn Gia L được bà Vương Lan A trả cho số tiền chênh lệch về việc phân chia tài sản chung sau khi ly hôn là 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).

- Đối với bà Vương Lan A:

+ Giao cho bà Vương Lan A được quyền sở hữu các tài sản chung tại thôn Đ, xã N, huyện H, tỉnh Tuyên Quang bao gồm: Các công trình trên đất (01 ngôi nhà xây 2 tầng, mái lợp tôn, tường 220mm, lán son; 01 nhà kho mái tôn xây tường 110mm; 01 Công trình phụ; Mái tôn, vỉ kè, cột thép (gồm mái và sân); 01 Bán mái lợp tôn, cột bê tông xi măng; Công trình chăn nuôi (gà, lợn); Công trình hàng rào (phía trước và phía sau).

Tổng giá trị tài sản các công trình trên đất bà Vương Lan A được quản lý, sử dụng (đã làm tròn) là 167.960.000đ (*Một trăm sáu mươi bảy triệu, chín trăm sáu mươi nghìn, hai trăm năm mươi đồng*).

+ Bà Vương Lan A tự nguyện trả cho ông Nguyễn Gia L số tiền chênh lệch về việc phân chia tài sản chung sau ly hôn là 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).

Khoản tiền phải trả như trên, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và ông Nguyễn Gia L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Vương Lan A chậm trả thì phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà Vương Lan A tự nguyện chịu toàn bộ số tiền chi phí thẩm định và chi phí định giá tài sản do Hội đồng thẩm định và định giá tài sản tiến hành là 1.850.000đ (*Một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*). Bà Vương Lan A đã nộp đủ số tiền trên được thể hiện tại Biên bản làm việc về thanh toán tiền tạm ứng chi phí thẩm định, định giá tài sản đang tranh chấp ngày 27/9/2022.

3. Về án phí:

+ Bà Vương Lan A phải nộp số tiền án phí dân sự có giá ngạch tương ứng với phần tài sản được chia là 4.199.000đ (*Bốn triệu một trăm chín mươi chín nghìn đồng*).

+ Ông Nguyễn Gia L phải nộp số tiền án phí dân sự có giá ngạch tương ứng với phần tài sản được chia là 7.500.000đ (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Vương Lan A có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn ông Nguyễn Gia L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị T vắng mặt tại

phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- UBND xã N (Đề biết);
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Đức Tùng